

Đặc Khu Rừng Sác

Tác giả: Hồ Sĩ Thành

Nhà xuất bản: Trẻ

Năm xuất bản: 2002

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Rừng Sác là tên gọi rừng cây ngập mặn thuộc huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây là căn cứ kháng chiến của quân và dân ta chống lại các thế lực ngoại bang xâm lược đất nước và bè lũ tay sai của chúng.

Với vị trí án ngữ vùng cửa biển và địa hình sông nước rừng rậm hiểm yếu, Rừng Sác trở thành "trận đồ bát quái" đối với quân giặc. Đặc biệt trong kháng chiến chống Mỹ, Rừng Sác là nơi xuất phát những trận đánh thần kỳ của Đoàn 10 đặc công vào tàu chiến, kho tàng và sào huyệt địch tại trung tâm đầu não Sài Gòn.

Với tầm vóc và ý nghĩa của cuộc chiến đấu, năm 1966 Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Đặc khu quân sự Rừng Sác.

Đặc khu Rừng Sác ra đời đã phát huy hiệu quả chiến đấu của quân và dân Rừng Sác, góp phần xứng đáng vào thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (4-1975).

Trên vùng sinh lầy nước mặn, người dân Rừng Sác vốn mang đậm tính cách cần cù lam lũ "khoét rừng vớt nước", thích tự do phóng khoáng, yêu nước và căm thù giặc sâu sắc. Do đặc điểm về địa lý, Rừng Sác trở thành nơi đọ sức quyết liệt giữa ta với quân thù. Trải qua biến động lớn lao trong lịch sử, Rừng Sác như người lính tiên tiêu canh giữ một vùng trời đất, son sắt, thủy chung, bất khuất kiên cường.

Rừng Sác trở thành miền đất huyền thoại, thu hút sự chú ý của mọi người đặc biệt là đối với các nhà nghiên cứu địa lý, lịch sử thiên nhiên và giới văn học nghệ thuật.

Thượng tá Hồ Sĩ Thành (nhà thơ Lam Giang) là cán bộ nghiên cứu lịch sử quân sự, qua nhiều lần khảo sát, tìm hiểu về vùng Rừng Sác và Trung đoàn 10 đặc công cũng như thu thập tài liệu qua sách báo, đã biên soạn tập sách "Đặc khu Rừng Sác" dưới dạng hỏi đáp, nhằm cung cấp cho bạn đọc những tư liệu đặc trưng nhất về Rừng Sác, chủ yếu là những sự kiện từ năm 1975 trở về trước.

Theo thời gian, Rừng Sác đã có những biến đổi, việc sưu tầm cái cũ, cập nhật cái mới không dễ dàng, nên tập sách không thể tránh khỏi những sơ sót. Hy vọng "Đặc khu Rừng Sác" đem lại cho bạn đọc nhiều bổ ích, nhất là góp phần giáo dục truyền thống yêu nước đối với các thế hệ trẻ Việt Nam.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Xin cho biết vị trí địa lý của Rừng Sác?

Rừng Sác là rừng nguyên sinh ngập mặn thuộc huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh, nằm ở hướng đông nam, cách trung tâm thành phố 8km (đường chim bay). Phía bắc giáp huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Phía đông giáp Phước Tuy, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Phía tây giáp huyện Nhà Bè. Phía tây nam giáp Long An, Tiền Giang. Phía đông nam giáp biển Đông.

Năm 1698, Rừng Sác - Cần Giờ là một làng thuộc tổng Bình Dương của huyện Tân Bình, nằm trong dinh Phiên Trấn, phủ Gia Định.

Năm 1832, triều đình nhà Nguyễn đổi trấn Phiên An thành tỉnh Phiên An và đến 1836, tỉnh Phiên An được đổi thành tỉnh Gia Định. Năm 1871, Cần Giờ được chia ra 2 tổng trực thuộc tỉnh Gia Định gồm tổng An Thít và tổng Cần Giờ. Năm 1920, Cần Giờ thuộc huyện Nhà Bè tỉnh Gia Định. Năm 1947, Pháp tách vùng Rừng Sác Cần Giờ (gồm cả tổng An Thít và tổng Cần Giờ) từ tỉnh Gia Định sang thị xã Ô Cáp (Vũng Tàu) để thiết lập một tỉnh mới là Cáp Saint - Jacques. Như vậy suốt thời gian chống Pháp, Cần Giờ nằm trong tỉnh Vũng Tàu.

Sau hiệp định Genève năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm chia cắt và phân bố lại ranh giới hành chính gây ra nhiều xáo trộn. Hai tổng An Thít và Cần Giờ hợp thành quận Cần Giờ nằm trong tỉnh Phước Tuy (gồm lại từ 2 tỉnh Vũng Tàu và tỉnh Bà Rịa). Năm 1959, từ quận Cần Giờ lập thành quận Quảng Xuyên. Đến năm 1965, chính quyền ngụy chuyển hai quận Cần Giờ và Quảng Xuyên từ tỉnh Phước Tuy sang tỉnh Biên Hòa. Năm 1970 Cần Giờ, Quảng Xuyên lại chuyển về tỉnh Gia Định như cũ. Quận Cần Giờ gồm 5 xã: Cán Thạnh, Long Thạnh, Đồng Hòa, Tân Thạnh, Thạnh An. Quận Quảng Xuyên có 4 xã: An Thới Đông, Bình Khánh, Lý Nhơn, Tam Thôn Hiệp. Trong kháng chiến chống Mỹ, để thuận tiện cho chỉ đạo và hoạt động, ta vẫn coi hai quận Cần Giờ - Quảng Xuyên thuộc tỉnh Biên Hòa (nay là Đồng Nai) cho đến ngày giải phóng 30-4-1975.

Tháng 2-1978, huyện Cần Giờ (gồm cả Quảng Xuyên) nhập về thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành huyện Duyên Hải. Đến cuối năm 1991 theo quyết định của Chính phủ, Cần Giờ trở lại tên cũ như hiện nay.

Rừng Sác có diện tích khoảng 710km, giới hạn bởi sông Soài Rạp và đường 15, trải từ Nhơn Trạch, Nhà Bè ra biển. Rừng Sác - Cần Giờ là cửa biển quan trọng của thành phố Hồ Chí Minh.

Vị trí địa lý: từ 106° đến 167° kinh độ đông, từ 100° đến 107° vĩ độ bắc.

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về*

Đứng ở chỗ dòng nước chia hai đó, nơi gặp nhau của ba con sông Nhà Bè, Lòng Tàu, Soài Rạp, nhìn lên hướng đông bắc là xứ "Cọp Biên Hòa"; nhìn xuống phía đông nam là xứ "ma Rừng Sác". Có ai ngờ rằng ở ngay ven "Hòn ngọc Viễn Đông" Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh lại có một khu rừng mà trước khi quân xâm lược đặt chân lên đất Việt Nam, người ta còn liệt vào loại rừng chưa khai phá trên thế giới. "Cọp Biên Hòa" đã một thời vang bóng "Ma Rừng Sác" là đề tài hấp dẫn trên những trang báo Sài Gòn xưa.

Tại sao lại gọi là Rừng Sác?

Địa danh Rừng Sác từ lâu đã quen thuộc với mọi người, nhưng dường như có cái gì đó chưa ổn, nói cách khác là cách dùng chưa thống nhất: "Sác" hay "Sát". Nhiều sách vở ghi là Rừng Sác. "Sác" là tiếng Nôm chỉ rừng nước mặn trên bãi biển sinh lầy. Nhưng cũng có sách ghi là Rừng Sát, hàm ý là rừng cây thấp sát mặt nước, hay rừng lấn ra sát biển. Chính một số anh em Trung đoàn 10, những chiến sĩ đặc công bám trụ đánh giặc cả chục năm trời trong Rừng Sác cũng nói và viết là "Rừng Sát".

Có người lại cho rằng sở dĩ có hai tiếng Rừng Sác là bắt nguồn từ chữ "rừng sác" mà ra. Ý nói rừng ở đây có nhiều sác, lá có nhiều màu. Tuy nhiên số đông cho rằng sở dĩ gọi là Rừng Sác, là vì ở vùng rừng nước mặn này loài cây sác hay còn gọi là cây mắm mọc thành rừng thành bãi, đi đâu cũng gặp. Giống cây này thuộc dòng họ với cây sù, vẹt, đước... thân không cứng lắm, cây không cao, nhưng có bộ rễ rất khỏe cắm chắc xuống sinh lầy nước mặn. Chúng chỉ quen sống ở đất mặn, có sức chịu đựng bền bỉ với thổ nhưỡng khắc nghiệt và sóng gió của biển.

Cũng có người lập luận rằng: gọi sai từ "sác" là do cách phát âm của người miền Nam không phân biệt chữ i và c. Vì thế gọi "sác", ra "sát", giống như gọi "Các Lái" ra "Cát Lái"¹ (Có ý kiến cho rằng địa danh Cát Lái hiện tại chính là "Các Lái" vì ngày trước "các lái buôn" thường tụ tập ở ngã ba sông để buôn bán, về sau người ta bỏ chữ buôn đi cho gọn là "các lái", đọc theo âm miền Nam là Cát Lái, gọi mãi thành danh ngã ba "Cát Lái"). Tóm lại Rừng Sác đã tồn tại hàng trăm năm từ thuở Bến Nghé - Đồng Nai, nhưng đến đầu thế kỷ XX này thì cái tên Rừng Sác vẫn chưa phải hoàn toàn thống nhất. Mặc dù vậy, địa danh Rừng Sác với ý nghĩa lịch sử và tính chất địa lý thiên nhiên đặc thù của nó, đã đi vào sử sách và lòng người như một kỳ tích anh hùng và một môi trường sinh thái có một không hai ở Việt Nam.

Xin cho biết những nét đặc trưng của Rừng Sác?

Có thể tóm tắt những nét đặc trưng của Rừng Sác như sau: Từ Sài Gòn đi về hướng đông nam mặt đất tự nhiên thấp dần. Khi nước lớn, ở đây chỉ còn lại những gò nổi giữa vòng vây trùng điệp của lá dừa nước. Đó là nơi Rừng Sác "đặt chân" lên đất liền. Càng đi sâu về hướng nam, đông nam, địa hình càng sinh lầy, sông rạch càng nhiều. Nếu từ trên máy bay nhìn xuống sẽ thấy cả một tập hợp cù lao mà người ta gọi là những "đảo triều", chỉ chút đảo lớn nhỏ chen giữa đường 15 (phía Đông) và sông Soài Rạp (phía tây), được tạo nên bằng những dòng sông và hàng ngàn nhánh rẽ.

Cả Rừng Sác là một thảm thực vật bạt ngàn, nhưng chỉ gồm những loài cây rễ bám được vào đất bờ, chịu đựng trước những thay đổi xoay chiều của trời đất: ngập nước - cạn khô - nước ngọt - nước mặn - nước chua - kiềm - nóng... Tất cả phần sinh vật sống phối hợp với phần "không sống": đất khoáng, nước - thành một hệ sinh thái ở thể quân bình luôn luôn trẻ, nhờ chuyển động nhịp nhàng với thủy triều.

Đất Rừng Sác có cao trình từ 2,5m đến 3,7m so với độ 0 hải đồ. Sát biển Cần Giờ nổi lên những giồng cát như giồng Ao, giồng Cháy...

Có thể nói đây là một vùng hội tụ của sông rạch, không phải hàng trăm, mà hàng ngàn, chằng chịt như một "trận đồ bát quái". Diện tích bề mặt sông rạch chiếm tới 1/4 diện tích Rừng Sác.

Rừng Sác có Vũng Gấm (Long Thành - Đồng Nai) là một vũng nước xanh trong mặt nước sóng sánh như gấm. Đó là thắng cảnh mà Trịnh Hoài Đức đã xếp ngang với những thắng cảnh Nhà Bè, gò Cây Mai, rừng Trảng Bàng, sông Mỹ Tho, bên cá Biên Hòa xưa...

Trong tổ hợp thảo mộc nhiệt đới gần 60 loài thì cây đước đứng hàng đầu về cả số lượng và chất lượng gỗ trong các loài cây ở Rừng Sác.

Chim muông Rừng Sác có nhiều dạng, có giống xuất hiện theo mùa, có giống lấy nơi đây làm quê hương như: bồ nông, cò quắm, sếu diệc, ó, hải âu, ung, vẹt, chàng bè, bìm bịp, cú quạ, hồng hộc, le le...

Rừng Sác có nhiều giống cá, tôm, cua, ốc... đặc biệt có cá sấu là loại "chúa nước" đã từng tác oai tác quái gây nhiều khó khăn cho lực lượng của ta ở khu rừng ngập mặn này.

Rừng Sác hình thành trong điều kiện nào?

Về sự hình thành của Rừng Sác thì chính hình dáng "bàn tay xòe" của sông rạch trên bản đồ miền Đông đã phần nào giải thích. Sông Vàm Cỏ Tây, sông Vàm Cỏ Đông, sông Sài Gòn, sông Đồng Nai... là những ngón tay xòe từ lòng "bàn tay Rừng Sác", vươn dài tận biên giới Việt Nam - Campuchia. Bốn con sông lớn châu về một hướng với tốc độ giảm dần đã tạo nên sự hội tụ phù sa vùng cửa biển. Trong khi đó dòng thủy triều lại bồi cát thành gò cao ven biển chặn các luồng lạch tạo thành vùng sinh lầy ú nước bên trong. Quá trình vận động này đã diễn ra trong khung cảnh của miền khí hậu nhiệt đới. Đó là những yếu tố để cho một thảm thực vật nảy sinh.

Tài liệu của Pháp, của Mỹ và của ta ngày nay cho thấy đất đai Rừng Sác mỗi năm đều có thay đổi, tạo ra sự thay đổi không thể xem thường được giữa thực địa và bản đồ từng năm. Theo các nhà nghiên cứu, vào khoảng cuối thế kỷ thứ III đầu thế kỷ thứ IV thuộc tân sinh đại của lịch sử vỏ trái đất, thì đại bộ phận đất đai Campuchia và Nam bộ ngày nay còn là một cái vịnh ăn thông với đại dương. Sóng biển Đông còn vỗ tới chân núi Đăng Rếch. Từ ấy các địa tầng đã trải qua nhiều cuộc

biến dạng, các lớp trên vỏ trái đất bồi thêm lấp lại và lở mất do các đại dương chuyển động. Đất Rừng Sác là đất đã dừng lại qua các quá trình biến dạng đó. Nếu như không có sự chịu đựng của những vùng đất như vậy thì mảng bên trong lục địa còn có thể bị biến cả nhận chìm hoặc bị phui sạch chưa biết đến tận đâu.

Sự vận động của các địa tầng trong nhiều thế kỷ đã để lại một Rừng Sác với địa hình mang tính đặc thù của miền Đông Nam bộ, như một sự ưu đãi của thiên nhiên.

Xin cho biết những bí ẩn thiên nhiên của Rừng Sác?

Trong "trận đồ bát quái" của Rừng Sác, thiên nhiên đã "vẽ" ra những dáng vẻ độc đáo kỳ lạ mà đi sâu nghiên cứu ta càng thấy nhiều điều thú vị.

Chỉ trên một đoạn bờ biển dài độ 20km đã có 4 cửa sông rạch lớn của các dòng sông: Soài Rạp, Đồng Tranh, Ngã Bảy, rạch Ta chen. Sông rạch cắt ngang, cắt dọc bãi triều lớn thành các đảo triều. Những con sông đều có những bãi bùn lan xa ra cửa biển, nên dòng sông thường bị cạn, nhất là ở mạn doi Gành Rái. Cửa Cần Giờ có bãi cát kéo dài đến 3km. Cửa sông Soài Rạp rộng nhất trong các cửa sông ở Rừng Sác mở ra từ 5 đến 8km đường chim bay. Cắt xuôi theo dòng nước ra cửa biển về phía Thừa Đức (hướng nam - đông nam) cửa sông rộng từ 15 đến 20km.

Các sông lạch ở Rừng Sác như sông Cái Giáp, sông Thị Vải, sông Gò Gia có độ sâu từ 15 đến 20m. Riêng sông Ngã Bảy nối liền với sông Lòng Tàu là sâu nhất. Đoạn vịnh Gành Rái có chỗ sâu 29m. Nhờ thế mà tàu có trọng tải hàng chục tấn có thể vào cảng được.

Bãi triều hoang vu ngập mặn Rừng Sác đối với các nho sĩ Gia Định xưa là chốn rừng xanh nước biếc đầy nguy hiểm dành cho những du khách hiếu kỳ: "Vũng nước sâu và có nhiều lạch lớn đổ vào khi ánh mặt trời sớm chiều với bóng mây rọi xuống lẫn vào bóng cây xanh mát, sóng nước lao xao, thì từ xa thìn đến quả là cảnh tượng tươi thắm... Trong vùng nước này có nhiều cá sấu nướng nấu thường rình bắt người..."¹ (Theo sách Gia Định Thành Thông Chí)

Đứng trên sông Ngã Bảy nổi sóng giữa Rừng Sác mà nhìn, thấy núi giăng ba mặt: bắc, đông, đông nam. "Trông về phương bắc thấy núi Dinh ở chân trời thì lòng người dân Việt cảm thông với công lao dựng nước và giữ nước của tổ tiên hơn ở đâu hết"² (Bến Nghé xưa - Sơn Nam).

Trong Rừng Sác có những "bãi chà" mấp mấp sát trên mặt nước, những "ống dừa" được mọt mà từ muôn ngàn "chiếc nom" vọt lên cao, những "rừng gươm" dừa nước trùng trùng điệp điệp... Bên những dòng sông bao la xa tít chân trời và tràn đầy ánh nắng lại có những hang động chà là bịt bùng thế riêng một cõi, tầng cây rần che phủ như những "mái nhà" mệnh mông chỉ có đất mà không có trời...

Trước khi chưa bị chiến tranh tàn phá, hầu hết các loài thú rừng nhiệt đới đều có mặt ở Rừng Sác như heo rừng, khỉ đen, khỉ đột, rái nước, trăn, kỳ đà, sóc bông, nai, tê tê, chồn hương, chồn đất, beo, mèo rừng, dơi quạ... dĩ nhiên không loại trừ "chúa nước" cá sấu và "chúa rừng" là cọp.

Xưa kia, đêm đêm dân chài lưới thường nghe cọp gầm văng vẳng ở phía sông Tiền, Rạch Lá, Thiềng Liềng, giồng Chùa, rạch Su... Dấu vết rừng rợn của cọp còn để lại một cái tên "Xóm ăn Thịt". Đó là một xóm của xã Tam Thôn Hiệp (ba thôn hiệp lại), một cù lao hình tam giác. Hồi xưa vùng này nổi tiếng "sâu rạch lá, hạm ăn thịt"¹ (Dân Rừng Sác gọi hổ là con hạm). Nơi đây có một lần hạm nhảy xuống ghe tát chết người chồng rồi lôi người vợ lên bờ xé xác ăn thịt, chỉ để lại đầu, bộ lòng và xương. Nhưng nguy hại nhất chính là con beo. Beo Rừng Sác trước kia thường phục kích trên các chằng cây tại các khúc quanh âm u. Khi xuống ghe đến, nó bắt thẩn nhào xuống móc họng làm chết người tại chỗ.

Rừng Sác còn có con nưa chín mũi, có người gọi là trăn nước, là một con vật có thật. Thời kháng chiến chống Pháp, các chiến sĩ ta được chứng kiến những đêm giao chiến ác liệt giữa heo rừng với trăn nước. Con vật hiếm hoi này chỉ xuất hiện từng cặp vào những ngày dâng lũ, nước ngập lâu ngày. Các trận đánh giữa heo rừng và trăn nước thường xảy ra vào ban đêm trên các gò cao. Sáng ra, trên bãi chiến trường cây cối tối tăm, xác heo rừng hoặc con nưa nằm lãn lóc...

Họ hàng đông đúc ở Rừng Sác còn có rái nước, mỗi năm đều có những ngày hội của rái nước mà nhân dân ở đây gọi là "ngày giỗ rái". Ngày này, hàng trăm con rái tụ tập sắp hàng trên các gò nổi.

Dưới lớp nước Rừng Sác, người ta tìm thấy loài đất sét có thể làm gạch hay hóa chất công nghiệp, chất vôi lấy từ vỏ hào, nghêu sò, phốt phát và thạch cao có thể kết tủa.

Đối với thành phố công nghiệp đông dân, Rừng Sác trở nên một cái máy điều hòa khổng lồ được gió biển phát huy sức mạnh. Gió chuyên chở các nguồn dưỡng khí tươi mát trong lành của biển cả, rừng xanh đi vào thành phố. Cho nên vào những ngày hè nắng gắt, đi trên đường phố bụi và khói của Sài Gòn, người ta vẫn thấy hơi mát từ phương nam thổi về. Đó là nguồn dưỡng khí quý giá không gì đánh đổi được.

Những loài thảo mộc nào tạo nên khu rừng ngập mặn này?

Rừng Sác là loại rừng ngập mặn vừa có cái âm u của rừng xứ nóng với những đám lá tối trời dây leo chằng chịt, nhưng cũng có dáng dấp của rừng xứ lạnh với những tập đoàn cây riêng lẻ mọc trên những lớp đất khác nhau về độ mặn.

Theo các nhà khoa học Rừng Sác là tổ hợp thảo mộc nhiệt đới rất đặc biệt gồm 60 loài. Cây ở đây không cao bằng cây ở Năm Căn (Cà Mau) nhưng "thịt" chắc và bền hơn. Có thể nói "người chiến sĩ tiên phong" trong cuộc chiến tranh với biển và đất là cây mắm. Với bộ rễ "vĩ đại" chiếm 80% toàn phần của cây, mắm đứng ngay đầu sóng sấn sàng thách thức với biển cả. Đứng sau cây mắm là loài

cây bần có bộ rễ đưng đầu nổi với gió xoáy như bão lốc của Rừng Sác. Sau cây mắm, cây bần, các loại cây: đước, dà đá, chà là, rần... lần lượt xuất hiện theo độ mặn. Đước chỉ cho phép chà, hò, chỉ cùng song song tồn tại. Trong đó chà là "độc quyền" từng khoảng đất. Sau cùng, nơi Rừng sác "đặt chân" lên đất liền là cây dừa nước. Dừa nước mọc dày đặc theo bờ sông, bờ rạch như những bức tường thành che khuất rất thuận lợi cho chiến thuật du kích, là mối hiểm họa đối với tàu địch trên sông.

Các cây chà, cây đước, cây sú và những cây tạp cành lá giao nhau tạo thành rừng cây xanh rậm che kín mặt trời. Đây là một lợi thế "thiên phú" cho các chiến sĩ Rừng Sác bám trụ và chiến đấu năm này qua năm khác. Mỗi loại cây ở Rừng Sác chiếm một vị trí quan trọng trong cuộc chiến với biển, trong đó cây đước giữ vai trò củng cố trận địa, nó giữ lại những gì cần thiết mà nước đã đem lại cho đất. Trên 42.700ha Rừng Sác, cây đước đã đi hàng đầu về số lượng và là "chủ lực màu xanh" làm nên lá phổi thiên nhiên quý giá cho Thành phố Hồ Chí Minh.

Có một con sông làm cho chiến khu Rừng Sác nổi tiếng, là "nghĩa địa" của tàu chiến giặc. Xin cho biết cụ thể về con sông này?

Trong tất cả các con sông của Rừng Sác, sông Lòng Tàu nổi bật hẳn lên về độ sâu và hoạt động ổn định của nước, của đất quanh năm không có sương mù. Nó lại có chiều rộng (không có chỗ nào hẹp dưới 300m). Tất cả những điều kiện đó bảo đảm cho sông Lòng Tàu trở thành một đường giao thông quan trọng không chỉ trong nước mà còn là cửa ngõ thông ra quốc tế. Lòng Tàu là tên gộp của nhiều đoạn sông, dài 45km. Tự vị Huỳnh Tịnh Của định nghĩa Lòng Tàu: "chính đường tàu chạy giữa sông". Tàu từ đại dương đi vào Sài Gòn phải qua vịnh Gành Rái bên sông Ngã Bảy ngang qua Mũi nước vắn, ngược lên một đoạn dài - đoạn sông Lòng Tàu - qua khỏi ngã ba Đồng Tranh thì đi vào sông Nhà Bè để lên cảng Sài Gòn.

Với độ sâu từ 9 đến 12m, có nơi từ 20 đến 29m, sông Lòng Tàu cho phép những tàu nặng hàng chục ngàn tấn đi qua. Trước đây Mỹ, ngụy định chuyển con đường tàu bè nước ngoài vào cảng Sài Gòn bằng đường sông Soài Rạp vì có mấy cái lợi: sông ngắn, rộng, ít quanh co, quân giải phóng khó tấn công các tàu hàng quân sự. Thế nhưng lòng sông Soài Rạp cạn và tốc độ lấp cạn của dòng sông khá nhanh, khiến Mỹ phải bỏ tay dù phương tiện nạo vét của Mỹ thời đó đã rất hiện đại. Mỹ ngụy buộc phải sử dụng lại đường sông Lòng Tàu, phó mặc may rủi giữa "mê hồn trận" của du kích chiến tranh nhân dân.

Thông thường tàu trên 20.000 tấn đều có thể vào sông Lòng Tàu. Năm 1964, chiếc tàu chở máy bay mang nhãn hiệu US CARD (ta thường gọi là "tàu Cạc" trọng tải 16.500 tấn¹ (Theo tài liệu củ a Mỹ thì tàu US CARD là chiến hạm lớn nhất của Mỹ hồi chiến tranh thế giới thứ hai) đã qua đây. Nhưng đó là chuyến đi có vào mà không có ra. Ngày 2-5-1964, tại cảng Sài Gòn, nhóm biệt động Lâm Sơn Náo đã dùng thuốc nổ đánh chìm, kéo xuống đáy sông 21 máy bay lên thẳng, 2 máy bay trinh sát L19, 1 máy bay khu trục AD6 và 50 thủy thủ Mỹ. Từ đó không thấy tàu Mỹ trên 15.000 tấn dẫn xác vào Sài Gòn. Sau giải phóng vào năm 1980, hoa tiêu Việt Nam đã dẫn một tàu lớn nhất của Liên Xô 50.000 tấn từ biển Cần Giờ qua sông Lòng Tàu vào cảng Sài Gòn. Trên lộ trình sông Lòng Tàu, vào những năm đầu thập niên 80 đã xuất hiện một anh hùng lao động Tôn Thọ Thương,

vốn là một nhân viên hoa tiêu chế độ cũ. Ông đã dũng cảm, tài trí, dẫn dắt hàng chục con tàu của các nước vào cảng Sài Gòn an toàn.

Nét đặc biệt nhất của sông Lòng Tàu là gắn liền với những chiến công bất hủ của Trung đoàn 10 đặc công Rừng Sác anh hùng. Nơi đây, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 10 đã đánh chìm và cháy hàng trăm tàu giặc, trong đó có nhiều tàu vận tải quân sự lớn, trọng tải hàng chục ngàn tấn như tàu Victory, tàu LCM, tàu Aridonna, tàu Patnik...

Nói đến Rừng Sác ta nghĩ ngay đó là miền sông nước, giao thông đi lại rất khó khăn, chủ yếu là đường thủy. Vậy Rừng Sác có đường bộ không?

Đường sá ở Cần Giờ nói chung, Rừng Sác nói riêng quả là ít ỏi, có thể đếm được trên đầu ngón tay, bởi gần như tất cả đã nhường cho sông rạch, đầm lầy... Nếu tính rộng ra, trong chiến tranh có lộ 15 chạy từ Sài Gòn qua Quận 4, Nhà Bè ra bến sông. Đường 19, 325, 327 chạy cặp triền đồi bao quanh Thành Tuy Hạ vòng qua khu lòng chảo Nhơn Trạch đến các xã Vũng Gấm, Soài Minh, ông Kèo. Dọc theo ven biển có một đoạn đường ngắn 13km nối liền thị trấn Cần Giờ với xã Đồng Hòa.

Với tình hình đường bộ như vậy việc giao thông rất khó khăn, tốn kém thời gian. Nếu đi Cần Giờ bằng đường thủy xuất phát từ bến Bạch Đằng (Quận 1) phải mất 6 tiếng mới tới nơi. Đi về các xã xa như Lý Nhơn, Thạnh An mất cả ngày.

Sau giải phóng, do yêu cầu bức xúc về giao thông và xây dựng kinh tế, quốc phòng, thành phố mở tuyến đường bộ Nhà Bè - Duyên Hải (1985) dài gần 37km, trở thành đường chính "huyết mạch" của huyện Cần Giờ và lối ra cửa biển của thành phố.

Rừng Sác có vai trò như thế nào trong phòng thủ vùng cửa biển thành phố?

Với địa hình sông nước rất đặc trưng của Rừng Sác, từ lâu việc phòng thủ đất nước ở cửa ngõ đại dương đã có những lợi thế rõ rệt.

Rừng Sác đủ sâu để bao trùm cả sông Lòng Tàu và đủ rộng để làm "gạch nối" giữa sông Soài Rạp với đường 15. Thiên nhiên không chỉ cho ta một cánh rừng như mọi cánh rừng khác mà là một trận đồ thiên la địa võng của "mạng nhện" những luồng lạch, một pháo đài tự nhiên của trùng điệp đảo triều.

Hàng trăm đảo triều dàn thế trận bao vây quân thù xâm lăng từ cửa ngõ đại dương cộng với "thế trận lòng dân" và sản vật sẵn có từ lòng nước, Rừng Sác đủ điều kiện trở thành một căn cứ kháng chiến lâu dài. Đó là điều giải thích cho sự hình thành và tồn tại chiến khu Rừng Sác trong cuộc kháng chiến trường kỳ dài 30 năm; một chiến khu ở sát sào huyết giặc và trong vòng vây của quân thù, vẫn đứng vững suốt hai cuộc kháng chiến; một trận địa mà chính tướng Wesmoreland phải ngạc nhiên cho rằng những tên lính Mỹ đã gặp phải "một cuộc chiến đấu kỳ lạ trong một cuộc chiến tranh kỳ lạ"¹ ("Tuồng trình người lính" của Wes-moreland - NXB Trẻ, 1988) có thể nói: nếu Sài

Gòn là dạ dày thì sông Lòng Tàu là cổ họng, sông Soài Rạp và sông Thị Vải là hai mạch chủ; nếu Vũng Tàu, Cần Giờ, Đồng Hòa, Vàm Láng là bốn con mắt nhìn ra đại dương thì Rừng Sác là tay chân. Nói cách khác: Rừng Sác là pháo đài giáp chiến quân thù từ phát súng xâm lăng đầu tiên trên cửa biển này.

Tầm nhìn chiến lược của các nhà quân sự Việt Nam về sông Lòng Tàu đã thể hiện ngay từ khi Nguyễn Huệ kéo đoàn chiến thuyền vòng xuống biển Nam rồi ngược sông Lòng Tàu để chiếm thành Gia Định của Nguyễn Ánh. Rừng Sác nghiêm nhiên trở thành nhân chứng lịch sử.

Cần Giờ là pháo đài thép trấn giữ phía đông thành phố. Xin cho biết lịch sử những pháo đài ở cửa Cần Giờ?

Ở cửa biển Cần Giờ và ngã ba sông Lòng Tàu, ngày nay những người đánh cá, đôi khi vẫn kéo lên được những mũi giáo đồng. Phải chăng đây là dấu tích binh khí của quân Tây Sơn ngày ấy Trên sông Lòng Tàu còn một tảng đá mà đêm đêm ở tây người ta thường nghe tiếng nước reo như mưa gào gió thét. Có truyền thuyết cho rằng đá hàn là công trình do ông cha làm để ngăn cản tàu Pháp, nhưng cũng có truyền thuyết cho rằng đá hàn là một vật cản mà Nguyễn Ánh bắt dân ta làm để ngăn quân Tây Sơn.

Năm 1847, khi quân Pháp muốn gây hấn chiếm nước ta, vua Thiệu Trị đã nói: "Gia Định là cửa lớn nhất của Nam Kỳ, cửa Cần Giờ lại rất trọng yếu..."

Lịch sử ghi lại rằng: 10 giờ sáng ngày 10-2-1859 (thời Tự Đức) tàu Pháp và Tây Ban Nha đánh vào pháo đài phòng thủ Vũng Tàu. Đến 5 giờ chiều thì pháo đài này thất thủ. Tiếp theo, ngày 11-2, quân Pháp chuyển sang tấn công cửa Cần Giờ để thọc sâu vào nước ta. Lúc đó, tại đây quân ta thiết lập nhiều pháo đài và vật cản để chặn tàu giặc.

Với vũ khí tối tân hơn, quân Pháp pháo kích suốt dọc tuyến phòng thủ của ta trên bờ biển Cần Giờ gây thiệt hại nặng nề. Tuy vậy ta cũng bắn trả rất quyết liệt, các đội chiến thuyền gồm hàng trăm xuồng ghe cũng tỏa ra biển để tấn công tàu địch. Nhưng do súng ống của ta bắn không được xa, đạn bay tản mát nên không gây thiệt hại cho tàu giặc; ngược lại các thuyền của ta lần lượt bị đạn giặc bắn chìm, các pháo đài của ta hầu hết bị đạn đại bác Pháp làm vỡ tung và bốc cháy. Vị chỉ huy mặt trận này tử trận. Quân ta chết hàng ngàn người. Trận địa của ta trên bộ, dưới sông bị chọc thủng hoàn toàn. Thế nhưng quân Pháp không dám đổ bộ, có lẽ vì rừng rú âm u, nhiều con sông nhỏ và sinh lầy cản trở, chúng chỉ cố sức phá banh các vật cản để chuẩn bị vượt sông vào Sài Gòn...

Ba ngày đêm của năm 1858 ấy, những trận đánh ác liệt đã diễn ra trên sông rạch, đất đai Rừng Sác tạo nên những trang sử bi hùng còn lại đến ngày nay.

Giồng Cháy có phải là một sự tích trong các trận đánh của pháo đài Cần Giờ?

Những sự tích về cuộc chiến đấu trên các pháo đài phòng thủ Cần Giò cho đến ngày nay vẫn còn lưu truyền trong dân gian. Và Giồng Cháy là một trong những trận đánh ác liệt nhất giữa quân ta và quân Pháp. Phương tiện chiến đấu của quân ta lúc ấy kém hẳn so với quân Pháp. Các nghĩa binh của ta chỉ có trái tim và lòng trung thành quả cảm cộng với súng ống thô sơ, giáo mác, gậy gộc... nhưng vẫn cương quyết tử thủ tại một gò đất cao. Đánh mãi không chiếm được, giặc Pháp tức tối tập trung pháo nã vào. Khói lửa ngút trời; tất cả quan binh tử thủ oanh liệt hy sinh. Vì thế gò đất ấy sau được gọi tên là Giồng Cháy.

Ngày nay có những vị thần được thờ cúng ở các đình chùa miếu mạo rải rác khắp Rừng Sác. Đó chính là những vị chỉ huy, những chiến sĩ đã trải mặt phoi gan, lặn xả vào quân thù, một mất một còn với bọn giặc xâm lược trên mặt trận phòng thủ Cần Giò năm 1858.

Cư dân Rừng Sác có từ bao giờ?

Tuy chưa được xác định thật rõ ràng, nhưng những tồn nghi cho thấy Rừng Sác đã có người ở từ thời bộ lạc. Ở gần ngã ba Thiềng Liêng giữa một vùng phù sa bùn lầy lá mục, lại có hàng trăm gò đất màu vàng cháy và những gò đất đỏ bazan. Đào thử một số gò, năm 1980, ở gò Cái Trăm, người ta khai quật được 4 bộ xương người, nhiều vỏ ốc, sò, các tảng đá dài; trên đầu bộ xương có hoa tai bằng đồng... ở xã Long Hòa người ta cũng đào được 10 bộ xương, qua xét nghiệm nhận định đây có thể là xương người ở thế kỷ XVIII.

Dân cư của Rừng Sác không phải là người chính gốc ở đây. Họ là người tứ xứ đến Rừng Sác làm ăn, sinh cơ lập nghiệp, phần lớn là những người lánh né chính quyền và mưu đồ "đại sự"... Với họ, coi như trên đầu không có kẻ quyền lực, dưới chân là đất thiêng một cõi, chim trời cá nước không thuộc của ai. Vì vậy, Rừng Sác có một đời sống xã hội dữ dội hơn thiên hạ.

Cùng bởi nơi đây tụ tập "anh hùng hảo hớn", "hào kiệt phi nhân" nên dưới thời cai trị của thực dân Pháp, chúng hầu như bất lực. Vì lẽ đó, bộ máy hành chính của xứ này cũng chỉ là tượng trưng cho lấy có. Khi thì Rừng Sác thuộc tỉnh Gia Định, lúc thì nằm trong tỉnh Chợ Lớn, có thời lại dính với Biên Hòa, Bà Rịa... Nói chung Rừng Sác là một vùng đất trôi qua dạt lại trong sự cai quản hành chính qua các thời kỳ, nhưng dân Rừng Sác bao giờ cũng vẫn là dân Làng Sác.

Rừng Sác là "thánh địa" của cá sấu. Người dân Rừng Sác săn chúng như thế nào?

Quả Rừng Sác là giang sơn của cá sấu nhất là ở các con sông, rạch, lớn. Nó có hàm răng sắc và "lực đập" rất mạnh, có thể ví như kềm cộng lực, khi đã xiết vào thì con mồi dường như khó bề thoát nổi. Cá sấu được mệnh danh là "chúa nước", là hiểm họa đối với con người nhưng chúng vẫn bị con người khuất phục.

Ở Rừng Sác có một kiểu săn cá sấu nguy hiểm không kém săn hổ. Dùng đèn và chĩa thịt chỉ bắt được những con "tí hon" 5 đến 10kg. Nếu câu bằng chó, vịt thì không đánh lừa nổi những con sấu nặng cả tạ. Muốn bắt được thứ sấu khổng lồ này người ta phải lấy thân mình làm mồi. "Người mồi"

trước hết phải có gan và phải lão luyện, và chính đó là người thợ săn cá sấu. Đầu tiên, thợ săn thả thử "con mồi thử" với lưỡi câu là hai thanh sắt nhọn hàn hình chữ nhật (nó không móc họng mà chống ngang mang cá sấu). Cá sấu chỉ lớn vờn mà không đến thì đó là con mồi lớn. Lúc đó "người mồi" xung trận. "Người mồi" trên mình có vẽ những đường rằn ri dữ lợn, trước ngực và sau lưng là bó phao tre, tay cầm một thanh lao bằng gỗ mun đầu bịt sắt, buộc một sợi dây dẫn hàng trăm mét. "Người mồi" lao ra giữa sông, xung quanh, các xuồng ghe đã phục kích sẵn sàng tiếp ứng. "Người mồi" đập nước rầm rầm cho cá sấu nghe mà tới... Khi nó xuất hiện thì đã ở sát bên "người mồi". Và cuộc giao chiến bắt đầu. Sấu nhào tời tấp, cổ họng há ra. Lập tức nước tràn thành sóng. Nước dạt ra, "người mồi" càng xấp tới. Sấu không chịu thua, người lừa thế đâm vào mang, thả dây rồi bơi vào bờ. Cá sấu bị trọng thương tim về hang, rúc vào bùn. Số xuồng ghe phục kích lao ra theo sợi dây lần đến nơi, cặp hai bên lườn cá sấu, kè về bến.

Những thợ săn cá sấu hợp thành từng "gánh" hoạt động trong Rừng Sác, cho đến hết thời kháng chiến chống Pháp vẫn còn những gánh săn sấu như gánh ông Tư Xe ở vùng Lý Nhơn, họ thường chỉ lấy da, còn thịt cho bộ đội.

Xin cho biết sự tích "Thần Không Đầu" ở Lý Nhơn?

Ở xã Lý Nhơn ngày nay vẫn còn một ngôi đình thờ vị thần có tên là "Thần Không Đầu". Theo ông Lê Văn Kiên (Năm Kiên) là ông từ của đình và các vị bô lão trong xã Lý Nhơn kể lại thì ông Thần Không Đầu lúc còn sống tên là Dương Văn Hạnh (Sáu Hạnh). Xã Lý Nhơn xưa là một khu rừng hoang vu chưa có tên. Theo truyền thuyết, có một người họ Lý tên Nhơn đến đây khai phá, quy tụ cư dân. Ông Lý Nhơn đến lúc chết vẫn không có con nên dân lấy tên ông đặt tên làng để tưởng nhớ "người khai thiên lập địa". Lúc ông Trương Định rút quân về chiến khu Lý Nhơn thì ở đây đã có nhiều dân cư, có chính quyền tự quản do ông Dương Thường làm xã trưởng, ông Dương Văn Hạnh là phó xã trưởng, ông Cả Hành đứng ra cáng đáng việc chung của xã. Ông Hạnh trở thành "đệ tử" của nguyên soái Trương Định, chuyên lo việc hậu cần trong thời gian ngài còn ở đây.

Giặc Pháp tràn tới, cả ba ông đều bị bắt vì có liên quan đến nghĩa quân. Về sau ông Cả Hành bị dẫn ra Côn Đảo, ông Dương Thế Đường mất tích. Còn ông Dương Văn Hạnh, bọn Pháp đưa về Sài Gòn một thời gian ngắn, hứa phong quan tiến chức nếu ông chịu chỉ chỗ Trương Định ẩn nấp. Ông Sáu Hạnh quyết không khai. Hai câu trả lời đầy khí phách của ông còn truyền lại trong dân gian là:

- Ta thà chết chứ không để giặc bắt ông Định.

- Sinh vi quân, tử vi thần.

Thuyết phục mãi không được, giặc Pháp đưa ông Sáu về Lý Nhơn, tập trung dân ra bờ sông. Chúng dùng thân tre chẻ đôi kẹp vào cổ ông Sáu rồi chém đứt đầu, quăng xác xuống sông. Dân tìm vớt xác ông đem chôn tại khoảng đất phía trong nơi ông bị chém và xây mộ bằng đá, cử người trông coi mồ mả, nhang đèn tử tế.

Sau khi dập tắt cuộc khởi nghĩa của Trương Định, giặc Pháp rút đi, người già tìm thầy xem đất. Một

thầy địa lý không hiểu vì mê tín hay cảm thương người vì nước quên thân, đã phán rằng: "Đất Lý Nhơn đã có chủ, nhưng hiện nay chưa ổn định, vì người chủ mất đầu còn đi lang thang, chưa có nơi yên nghỉ. Người già cần xây đình để thờ ông Sáu Hạnh". Nhân dân Lý Nhơn góp tiền xây đền thờ, phải dấu tên ông Sáu Hạnh mà gọi là "ông Thần Không Đầu". Ngôi đình lúc đầu xây ngay chỗ ông Sáu bị chém, nên gọi là bến Đình. Lâu ngày đất lở, đình có nguy cơ bị đổ nên phải dời đi nơi khác nhưng tên gọi bến Đình vẫn không thay đổi. Thời đánh Mỹ, ngôi đình này chính là nơi cách mạng hội họp nên bị giặc đánh phá tan nát. Một lần nữa ngôi đình lại phải dời đến vị trí nay là khu vực trụ sở xã Lý Nhơn.

Nơi gương Thần Không Đầu, từ bao nhiêu cuộc khởi nghĩa xưa kia cho đến thời đánh Pháp, đánh Mỹ, người dân xã Lý Nhơn luôn luôn là những "người lính hậu cần" của chiến khu đưng Sác. Nay toàn xã có hơn 400 hộ, trong đó 82% là gia đình liệt sĩ.

Ở Rừng Sác có Đạo ông Trần?

Giang sơn "Đạo ông Trần" chỉ gói gọn trong một cù lao, ở giữa có núi lượn hình rồng xanh nên nó từng mang tên Sơn Long, làng Núi Nứa, từ năm 1962 đổi là xã Long Sơn.

Đạo ông Trần là một hiện tượng xã hội vừa mang "sắc thái Rừng Sác" vừa có dáng dấp của những vùng đạo giáo Bảy Núi, Hòa Hảo, đất chùa Tây An... ở vùng Long Xuyên, Châu Đốc (An Giang).

Rừng Long Sơn xưa có nhiều cọp dữ. Cuối thế kỷ XIX đã có hai người đến đây lập hội múa lân để chiêu mộ người đến khai hoang, nhưng đều chịu không nổi, phải bỏ đi. Tuy nhiên có một người bám trụ lại là Bà Trao. Sau đó có một người nữa tên là Lê Văn Mưu đi một chiếc xuồng cùng đứa con trai và cái "túi đựng trời đất" đến xin "lập lân" (lập hội múa lân). Họ cùng nhau chiêu mộ người khắp bốn phương đến lập "giang sơn" Đạo Ông Trần.

Số là ông Mưu sinh năm 1856 ở tỉnh Hà Tiên (nay là An Giang) đi học thầy đạo và được thầy giao cho một cái "túi đựng trời đất" để đi về phía đông lập "giang sơn đạo pháp". Ra đi, ngoài cái "túi đựng trời đất" với những câu sấm, về bí hiểm, ông có nghề bốc thuốc. Đặc biệt, ông là người biết tổ chức công việc và làm việc hết mình. ông tự xưng là "bê trên" nhưng cách xử sự khiêm nhường, nhân danh là "Tướng Điều" do trời sai xuống và giải thích cái tật chân trái ngắn hơn chân phải của mình là do bị tội trên thiên đình. Từ đó, ông ở lại trần gian, có đặc tính là không bao giờ tắm nên người ta gọi ông là "ông Trần". Ông Trần chỉ ăn bốn thứ là đậu xanh, cua, tôm, ốc.

Năm Giáp Thìn (1904) dân bị thiên tai bão lụt, ông Trần xuất bảy thiên lúa (7 ngàn gạ) cho người thân tín ở Gò Công, Cái Bè, Cai Lậy... đón người bị nạn lên Long Sơn cấp tiền, gạo, dao, cuốc cho họ dựng chòi, khai hoang. Tiếng lành đồn xa về một người Trời được phái xuống cứu khổ đang ở Long Sơn, lan ra lục tỉnh. Dân tứ xứ quy tụ về ngày càng đông. Ông Trần khoan đất khai hoang cho bất cứ ai đến đảo, không phân biệt giàu nghèo, giang hồ hảo hớn, miễn chịu theo những điều ông đặt ra.

Đất khai phá ngày càng rộng, kéo dài từ đồng Bà Cúc, xóm Đất sét phía bắc xuống xóm Gò Xu, xóm Chín Mầu. Riêng phần đất ông Trần đứng tên trong sổ địa bạ Bà Rịa cũ là 56 mẫu, 99 sào, 98 cao (!) Ông còn cho xây "ngũ hồ" chứa nước ngọt, đào kênh, đắp đập ngăn mặn, xây chợ, dựng nhà máy xay.

Từ 1910 đến 1928, Long Sơn xây đền gồm lầu Trời, lầu tiên, lầu Phật, lầu Thánh, lầu cầu, nhà dài, nhà hội, thờ cả ông Trần lẫn Khổng Tử... Tuy bị cướp sạch vào năm 1931, nhưng đến nay bề thế đền đài vẫn vượt quá tầm cỡ của một đạo chi gói gọn trong một cù lao, khiến ai đến xem cũng phải ngạc nhiên.

Dân làng Long Sơn tăng nhanh, đến năm 2000 đã lên tới trên 10.000 dân, gần 4/5 theo đạo ông Trần, đa số làm ăn phát đạt nhờ biển hơn nhớ đất. Đây cũng là điều làm cho người ta càng tin vào sự che chở của "người Trời".

Long Sơn là nơi gặp gỡ của vùng giải phóng chiến khu Rừng Sác với vùng giải phóng Bà Rịa - vũng Tàu trong chiến tranh. Từ năm 1945 đến năm 1959, Long Sơn đã có ba chi bộ, gần 100 đảng viên (dân số lúc đó 3000 người). Du kích xã Long Sơn từng tiêu diệt một trung đội Pháp (1947) tại thôn Hai Cầu Đá. Thời đánh Mỹ, chi bộ Long Sơn vẫn đứng vững trong lòng dân dù địch đánh phá chà đi xát lại rất ác liệt. Đội du kích Long Sơn là một đội du kích mạnh của Đặc khu Rừng Sác. Long Sơn trở thành "điểm hậu cần" của đặc công Rừng Sác.

Ngày nay, đến xã Long Sơn, ta vẫn gặp nhiều ông già tóc bạc "củ hành" nhưng lại là đảng viên cộng sản, trong đó có công Chín Gân là người đảng viên đầu tiên của dân "Đạo ông Trần".

Long Sơn ngày nay không còn là đảo nữa. Một cây cầu xinh xắn đã bắc từ đất liền ra đảo, biến nơi đây thành một vùng dân cư trù phú đông vui.

Những lực lượng kháng chiến chống Pháp nào có mặt đầu tiên ở Rừng Sác?

Những biến cố đầu tiên tại Sài Gòn khi quân Pháp trở lại Việt Nam đã biến Rừng Sác thành một trong 5 lổm du kích vùng ven đầu tiên: Gò Vấp, Hóc Môn, Thủ Đức, Rừng Sác, Bến Cát.

Tháng 10 năm 1945, theo hội nghị Chợ Đệm, Sài Gòn - Chợ Lớn được chia thành 5 mặt trận. Lúc đó ở phía nam, lực lượng Dương Văn Dương và các đơn vị Tân Thuận, Tân Quy, Nhà Bè đã rải từ nam Thủ Đức vắt ngang Nhà Bè vào tận cầu Hiệp Ân...

Theo quyết định của Ủy ban kháng chiến Nam bộ, đồng chí Nguyễn Văn Trân (Nguyên bí thư tỉnh ủy Chợ Lớn) là Chính ủy; Dương Văn Dương (lúc đó là Trưởng ban sưu tầm vũ khí miền Đông Nam bộ) làm Tư lệnh mặt trận số 4, bao gồm cả các đơn vị Nhà Bè, Tân Thuận, Tân Quy đã được

hợp nhất giữa lực lượng Dương Văn Dương, lực lượng Mai Văn Vĩnh (nhân danh lực lượng bộ đội số 2 Độc lập được lập lên tại làng Chánh Hưng sau 23-9-1945) và lực lượng Nguyễn Văn Hoạch đóng ở Cần Giuộc (Nguyễn Văn Hoạch là một giang hồ đã được cách mạng thu phục).

Dương Văn Dương lập tổng hành dinh tại Rạch Địa, lần đầu tiên trưng cờ "Hải quân Bình Xuyên" trên chiếc tàu võ trang chạy dọc mặt trận số 4, kiểm soát từ Rạch Địa đến bến đò Thủ Thiêm. Lực lượng Dương Văn Dương đứng hàng đầu về trang bị lúc bấy giờ: có đủ các loại trung liên, hóc-kiss brem, "bầu dậu", hơn nửa chục trọng liên 13.2 ly, đại bác 24 ly (do mua sắm, lấy của giặc, trực vớt tháo gỡ trên máy bay của Nhật và của đồng minh...)

Tháng 11 năm 1945, từ mặt trận số 4, lực lượng Dương Văn Dương lui về xã Phước An (ven Rừng Sác thuộc huyện Long Thành). Từ đây đem quân chi viện mặt trận Biên Hòa rồi trở lại thành lập chi đội 2 và 3 theo quyết định của Khu bộ trưởng Nguyễn Bình. Dương Văn Dương nhận chức Khu bộ phó Khu 7, lập tổng hành dinh Rạch Xu đề tên "Tu lệnh vệ quốc đoàn liên khu Bình Xuyên, Chi đội 2, 3, Khu bộ phó". Lúc này mặt trận Cần Giuộc đã thất thủ, bộ đội cách mạng Cần Giuộc do đồng chí Trương Văn Bang (nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ từ năm 1933 đến năm 1936) chỉ huy lui về Giồng Nổi, Rạch Dệt...

Cuối năm 1945 đầu năm 1946, Dương Văn Dương đích thân chọn 5 địa điểm xây dựng căn cứ ở Rạch Xu, Vàm Tượng, Rạch Lá và chỉ thị cho cấp dưới việc xây dựng cơ sở đánh lâu dài. Vùng căn cứ Rừng Sác hình thành cùng lúc với chiến khu Đ. Sau đó là các chiến khu Tân Long, Khu 5 (Hóc Môn), Rừng Nhúm, Động Dinh, Đồng Tháp... ra đời.

Trên địa hình sinh lầy phức tạp như vậy, làm sao tổng hành dinh các lực lượng và cơ quan, đơn vị "đứng chân" được?

Không phải ngẫu nhiên mà một bãi triều ngập mặn hoang vu trở thành nơi hội tụ của gần một trăm cơ quan kháng chiến¹ (Theo thống kê của đồng chí Đỗ Tâm Chương, một cán bộ quân đội đã chiến đấu ở Rừng Sác). Chỉ nhỏ hơn 1/10 của Đồng Tháp, nhưng vị trí của Rừng Sác vượt hẳn về bề rộng, bởi Rừng Sác vốn là một "trận đồ bát quái" chặn ngang "cổ họng" quân thù. Từ nơi đây "bước một bước" là đụng vào sào huyệt của chúng.

Đối với thực dân Pháp hồi đó, những con đường độc đạo dẫn đến những cù lao âm u có thể coi là bất khả xâm phạm. Có những gò chìm hẳn khi nước lớn, nhưng cũng có những cù lao cao hơn mặt thủy triều có thể đứng chào cờ cả đại đội Dưới những vòm cây rần mênh mông, có thể phóng tầm mắt ra xa hàng trăm mét để quan sát, nhưng đứng trước những chùm rễ chông chát, những "hang động" chà là bít bùng thì chỉ cách nhau vài mét đã không thấy nhau. Tất cả những yếu tố nhân hòa địa lợi đó đã giúp cho các chiến sĩ Rừng Sác chế ngự lại sự khắc nghiệt của thiên nhiên, để trụ bám vững chắc trên sông nước sinh lầy.

Các chiến sĩ Rừng Sác đã sáng tạo ra những cách đánh phù hợp với địa hình: "đánh giặc theo tiếng chim bìm bịp", "đánh một ngày, gỡ hai ba ngày" Tiếng chim bìm bịp vốn có quan hệ đến con

nước (bìm bịp kêu con nước lớn ròn). Đánh giặc, hành quân ở Rừng Sác mà không quan tâm đến con nước thì có thể bất ngờ bị sa lầy, không gỡ được.

Trong căn cứ Rừng Sác những ngôi nhà kháng chiến nối nhau qua cầu khỉ, những đường cầu chà là dài dằng dặc lao qua những "đám lá tối trời", nối từ gò nổi này sang cù lao kia, tựa như những "lối mòn" trong chiến khu Đ, Dương Minh Châu...

Cùng với sự hình thành các tổng hành dinh, các cơ sở quân nhu lần lượt có mặt tại Rừng Sác từ cấp khu đến cấp xã thoát ly. Nơi đây còn có cả hậu cứ của các cơ quan lãnh đạo Gò Công, Chợ Lớn, Bà Rịa, Vũng Tàu, các cơ quan kháng chiến ở Sài Gòn như: Liên hiệp công đoàn, đặc công biệt động, công an xung phong..., các cơ quan dân chính đảng của các quận Nhà Bè, Cần Giuộc, Cần Đức, Hòa Tân (Gò Công), các xã đất liền ven tây sông Soài Rạp... Những cơ quan này theo cách gọi hời hợt thường đứng "hai chân" một ở Rừng Sác, một duỗi vào đất liền. Từ năm 1947, các đơn vị quân giải phóng miền Đông tiếp tục tăng cường xuống Rừng Sác như Trung đoàn 300 Dương Văn Dương, trường lý luận Mác - Lênin của Khu ủy, các khóa huấn luyện Phan Đăng Lưu của Khu 7, lực lượng liên huyện Nhà Bè - Cần Giuộc.